

Số: 22/2020/NQ-HĐND

*Bến Tre, ngày 09 tháng 12 năm 2020*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn**  
**tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**  
**KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 6124/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 về điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung:

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm

2019 về điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 nhưng có điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn của một số dự án cho phù hợp với tình hình thực tế triển khai dự án trong giai đoạn 2016-2020.

b) Điều chỉnh giảm nguồn vốn dự phòng 10% kế hoạch đầu tư công trung hạn của các dự án đã được bổ sung tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 về điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

c) Điều chỉnh giảm vốn vay tồn ngân Kho bạc nhà nước giai đoạn 2017-2020 là 300 tỷ đồng của các dự án đã được bổ sung tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 về điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

d) Cân đối lại tổng số vốn đầu tư công trong giai đoạn 2016-2020 phù hợp theo kế hoạch đầu tư hàng năm đã được Trung ương giao dự toán cho địa phương.

đ) Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

2. Tổng số vốn điều chỉnh, bổ sung là 9.183,093 tỷ đồng (*chín nghìn một trăm tám mươi ba tỷ, không trăm chín mươi ba triệu đồng*) giảm 469,019 tỷ đồng; trong đó:

a) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 là 1.991,108 tỷ đồng, giảm 199,141 tỷ đồng; bổ sung 03 danh mục dự án.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 569,15 tỷ đồng, giảm 1,743 tỷ đồng.

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 4.949 tỷ đồng, giảm 232,655 tỷ đồng, bổ sung 03 danh mục chương trình, dự án.

d) Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết là 1.193,72 tỷ đồng, giảm 141,28 tỷ đồng, bổ sung 02 danh mục dự án.

đ) Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất là 78,315 tỷ đồng, tăng 04 tỷ đồng, bổ sung 01 danh mục dự án.

e) Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 281,8 tỷ đồng.

g) Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách là 120 tỷ đồng.

3. Danh mục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chi tiết tại Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**Phụ lục I**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM NGUỒN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2015/QĐ-TTg VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
-	<b>TỔNG CỘNG</b>	-	-	-	-	-	<u>8.944.161</u>	<u>3.037.143</u>	-	<u>2.835.457</u>	<u>2.761.142</u>	<u>2.190.249</u>	<u>1.976.108</u>	<u>214.141</u>	<u>570.893</u>	<u>519.150</u>	<u>51.743</u>	
A	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>						8.944.161	3.037.143	-	2.718.806	2.678.806	2.120.463	1.906.322	214.141	558.343	506.600	51.743	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I	<b>ĐỐI ỨNG CHO DỰ ÁN ODA THEO CƠ CẤU VÀ CHI TRẢ NỢ LÃI VAY</b>						1.542.661	191.536	-	150.322	150.322	150.322	85.322	65.000				
I.1	<b>Đối ứng cho các dự án ODA theo cơ cấu</b>						1.542.661	191.536	-	149.522	149.522	149.522	84.522	65.000				
1	Dự án tăng cường QL đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	B	Toàn tỉnh	hệ thống dữ liệu	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016	35.684	5.402		5.402	5.402	5.402	5.402					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển Ba tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu (thuộc Hợp phần III, Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long", vay vốn WB)	B	Ba tri	Tiểu hợp phần	2016-2020	1039/QĐ-UB 9/5/2016	310.451	38.834			29.674	29.674	29.674	29.674				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiêu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	B	TPBT	Tiêu dự án	2016-2020	01/NQ-HĐND ngày 24/3/2017	1.048.000	145.000		112.146	112.146	112.146	47.146	65.000				
4	Đổi ứng vốn các dự án thuộc Chương trình MTQG Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh - SPRCC	B	Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú	trồng rừng ngập mặn;	2016-2020	1970/QĐ-UBND ngày 05/10/2015; 2276/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 1971/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	148.526	2.300		2.300	2.300	2.300	2.300					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng		Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất
									Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I.2	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay									800	800	800	800					
II	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP						3.929.662	1.485.460	-	323.305	323.305	271.562	144.921	126.641	51.743		51.743	
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020						978.177	102.223	-	67.969	67.969	67.969	67.969					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
a.1)	<i>Dự án hoàn thành năm 2016</i>						45.176	45.176	-	10.922	10.922	10.922	10.922					-
1	Dự án Nhà máy xử lý nước thải 2 và Hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Giao Long	C	Châu Thành	5000m3/ngày	2012-2014	01/QĐ-SKH 06/01/11	45.176	45.176		10.922	10.922	10.922	10.922					-
a.2)	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016</i>						933.001	57.047	-	57.047	57.047	57.047	57.047	-				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Dự án HTCS Khu Công nghiệp An Hiệp	A	Châu Thành	68 ha	2011-2015	1423/QĐ-UB 16/8/13	326.289	17.542		17.542	17.542	17.542	17.542					-
2	Dự án CSHT khu công nghiệp Giao Long (giai đoạn 2)	A	Châu Thành	7,344 ha	2008-2012	588/QĐ-UB 30/3/12	436.940	33.272		33.272	33.272	33.272	33.272					-

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Dự án CSHT Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Giao Long	A	Châu Thành	72 ha	2007-2011	915/QĐ-UB 12/06/07	169.772	6.233		6.233	6.233	6.233	6.233					-
b)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						2.951.485	1.383.237		255.336	255.336	203.593	76.952	126.641	51.743			51.743

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	A	Bình Đại	231 ha	2016-2020 và chuyển sang giai đoạn sau	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 3/8/2016	2.127.000	914.000		128.384	128.384	76.641		76.641	51.743		51.743	
2	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận	B	Bình Đại	45ha	2019-2023	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	492.000	170.000		96.952	96.952	96.952	46.952	50.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phong Năm	B	Giồng Trôm	42 ha	2017-2021	433/HĐN D-CTNĐND ngày 28/7/2016	332.485	299.237		30.000	30.000	30.000	30.000					-
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT						717.621	80.232		76.389	76.389	76.389	76.389					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020						717.621	80.232		76.389	76.389	76.389	76.389					
1	Trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bến Tre	C	Châu Thành	26.361 m <sup>2</sup>	2014-2016	1995/QĐ-UBND 30/10/2013	32.713	5.470		5.470	5.470	5.470	5.470					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
2	Kè bờ sông Bến Tre phía xã Mỹ Thạnh An (giai đoạn 2)	B	TPBT	4,470 km	2007-2010	2149/QĐ-UB 01/10/2010	85.011	25.000		25.000	25.000	25.000	25.000					
3	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qseap)	C	các huyện thành phố	2,1 km2	2009-2015	414/QĐ-BNN 28/02/2013	71.348	1.182		1.182	1.182	1.182	1.182					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
4	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú	B	Thạnh Phú	9,926 km đường; 04 cầu	2013-2017	1994/QĐ-UB 30/10/13	59.866	10.343		6.500	6.500	6.500	6.500					
5	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri	B	Ba Tri	600cv	2016-2020	2314/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	253.282	17.637		17.637	17.637	17.637	17.637					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
6	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre	B	Mỏ Cà Nam, Thanh phú	35.800 ha	2017 - 2020	132/HĐN D-TH ngày 20/3/2017	215.401	20.600		20.600	20.600	20.600	20.600					
IV	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG						48.454	44.085	-	40.356	40.356	40.356	40.356	-	-	-	-	-
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020						11.225	10.553		9.856	9.856	9.856	9.856					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Nâng cấp hệ thống mạng, trang thiết bị máy vi tính tại văn phòng Tỉnh uỷ, các ban đảng tỉnh, các huyện uỷ và thành uỷ	C	TPBT	nâng cấp hệ thống dữ liệu CNTT	2015-2017	1706/QĐ-UB 27/8/2015	3.500	3.500		2.803	2.803	2.803	2.803					
2	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bến Tre	C	TPBT	nâng cấp hệ thống dữ liệu CNTT	2016-2018	1718/QĐ-UB 01/9/2015	7.725	7.053		7.053	7.053	7.053	7.053					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
b)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						37.229	33.532		30.500	30.500	30.500	30.500					
1	Khu ứng dụng công nghệ sinh học Cái Môn, huyện Chợ Lách (giai đoạn 2)	C	Chợ Lách	Mở rộng 0,5ha	2018-2020	2619/QĐ-UB 31/10/2017				500	500	500	500					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	C	TPBT	hệ thống trang thiết bị CNTT	2016-2018	2590/QĐ-UB 31/10/2016	25.000	22.000		18.500	18.500	18.500	18.500					
3	Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Nhà làm việc 02 tầng	2019-2021	150/QĐ-SXD 05/10/2018	6.232	6.232		6.200	6.200	6.200	6.200					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
4	Đầu tư hạ tầng, xây dựng các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thường trực UBND tỉnh	C	TPBT	hệ thống trang thiết bị CNTT	2016-2018	2569/QĐ-UB 28/10/2016	5.997	5.300		5.300	5.300	5.300	5.300					
V	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	-					1.077.026	412.387		336.841	336.841	336.841	336.841					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
a)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>						828.241	280.266		236.841	236.841	236.841	236.841					
1	Trường THPT Mỹ Thạnh An (Lạc Long Quân)	B	TPBT	22 phòng	2011-2015	2046/QĐ-UB 19/10/2012	67.218	4.470		4.470	4.470	4.470	4.470					
2	Trường Cao Đẳng Bến Tre	B	TPBT	4200 SV	2011-2015	934/QĐ-UB 25/4/11	184.907	12.971		12.971	12.971	12.971	12.971					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Trường Quân sự - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	B	Giồng Trôm	62.430 m <sup>2</sup>	2015-2019	2148/QĐ-UB 24/10/2014	202.536	40.000		15.500	15.500	15.500	15.500					
4	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	630 HS	2015-2019	171/QĐ-UB 24/01/2014	46.068	20.535		11.535	11.535	11.535	11.535					
5	Trường THPT Chợ Lách A (THPT Trần Văn Kiệt), huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	1.410 m <sup>2</sup>	2015-2017	1769/QĐ-UB 03/9/2014	23.165	22.000		19.857	19.857	19.857	19.857					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
6	Trường THPT Thanh Phước, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	750 HS	2015-2019	2181/QĐ-UB 30/10/2014	60.869	54.782		50.000	50.000	50.000	50.000					
7	Trường THPT Phan Liêm (THPT An Hoà Tây) - Ba Tri	C	Ba Tri	1.260 HS	2014-2018	197/QĐ-UB 27/01/14	57.427	15.972		15.972	15.972	15.972	15.972					
8	Trường THPT An Qui (Lương Thế Vinh) - Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	800 HS	2012-2016	2723/QĐ-UB 10/12/10	51.682	11.819		11.819	11.819	11.819	11.819					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
9	Trường THCS An Ngãi Trung, huyện Ba Tri	B	Ba Tri	633 học sinh	2016-2020	2208/QĐ-UB 29/10/2015	44.274	31.000		31.000	31.000	31.000	31.000					
10	Trường THPT Phan Văn Trị, huyện Giồng Trôm (mở rộng)	C	Giồng Trôm	11332 m2	2016-2018	2416/QĐ-UB 18/10/11	35.000	25.000		25.000	25.000	25.000	25.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
11	Trường THPT Nguyễn Huệ (THPT Phú Túc), huyện Châu Thành	C	Châu Thành	7.196 m2	2016-2018	2363/QĐ-UB 12/10/11	40.764	36.000		33.000	33.000	33.000	33.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
12	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre	C	TPBT	Nâng cấp, sửa chữa	2016-2018	324/QĐ-SXD 30/10/15	14.331	5.717		5.717	5.717	5.717	5.717					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
b)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						248.785	132.121		100.000	100.000	100.000	100.000					
1	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)		Tp Bến Tre	1446m2	2017-2019	2258/QĐ-UB 29/9/2016												
2	Trường THCS Thành phố Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	1738 học sinh	2017-2021	2560/QĐ-UB 27/10/2016	113.095	10.000		10.000	10.000	10.000	10.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Trường THCS Tân Hội	C	MCN	600hs	2019-2021	544/QĐ-UB 26/3/2019	36.000	32.400		7.000	7.000	7.000	7.000					
4	Trường PTCS Tân Mỹ	C	Ba Tri	300hs	2019-2021	2228/QĐ-UBND 17/10/2018	24.000	21.600		15.000	15.000	15.000	15.000					
5	Trường THCS An Quy	C	Thanh Phú	10 phòng học lý thuyết, các phòng chức năng và HMP	2018-2020	2067/QĐ-UBND 05/9/2017	21.000	18.900		18.000	18.000	18.000	18.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Ba Tri	B	Ba Tri	31 phòng	2017-2020	2316/QĐ-UBND 29/9/2017	54.690	49.221		25.000	25.000	25.000	25.000					
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Thạnh Phú	B	Thạnh Phú	39 phòng	2017-2020	2317/QĐ-UBND 29/9/2017	59.573	53.616		25.000	25.000	25.000	25.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
VI	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐẢNG ĐOÀN THỂ						1.205.717	631.600		492.523	492.523	492.523	492.523					
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020						502.229	224.789	-	142.157	142.157	142.157	142.157	-	-			
1	Nhà làm việc của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể	B	Thành phố Bến Tre	Khởi nhà 10 tầng	2012-2015	2528/QĐ-UB 28/10/2011	108.026	80.066		47.591	47.591	47.591	47.591					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
2	Trung tâm hành chính xã Phú Sơn	C	Chợ Lách	498m2	2014-2016	211/QĐ-SXD 29/11/10	13.230	13.230		4.534	4.534	4.534	4.534					
3	Trung tâm hành chính xã Hưng Khánh Trung B	C	Chợ Lách	498m3	2014-2016	51/QĐ-SKH 27/9/12	16.926	16.926		5.290	5.290	5.290	5.290					
4	Trụ sở UBND xã Long Hoà	C	Bình Đại	11.816 m2	2016-2018	261/QĐ-SXD 30/10/2014	8.133	8.133		4.800	4.800	4.800	4.800					
5	Trụ sở UBND xã Tam Hiệp	C	Bình Đại	57,600 m2	2014-2016	203/QĐ-SXD 26/9/2013	8.652	6.600		1.600	1.600	1.600	1.600					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
6	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Đức	C	Ba Tri	3.006 m <sup>2</sup>	2014-2016	2267/QĐ-SXD 30/10/2014	4.551	2.416		1.616	1.616	1.616	1.616					
7	Trung tâm chính trị hành chính huyện Giồng Trôm	B	Giồng Trôm	68.668 m <sup>2</sup>	2011-2015	1989/QĐ-UB 30/10/2013	195.083	30.660		30.000	30.000	30.000	30.000					
8	Trụ sở làm việc Đội nghiệp vụ Hải quan	C	Châu Thành	1.500 m <sup>2</sup>	2014 - 2016	149/QĐ-SXD 8/9/2015	2.000	1.840		1.840	1.840	1.840	1.840					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
9	Khu hành chính huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	C	Thạnh Phú	1.194 m <sup>2</sup>	2016-2018	2162/QĐ-UB 30/10/2012	26.329	10.400		10.400	10.400	10.400	10.400					
10	Hội trường 500 chỗ của huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	500 chỗ	2016-2018	187/QĐ-SXD 31/10/2014	13.173	8.800		8.776	8.776	8.776	8.776					
11	Trung tâm chính trị hành chính xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm	C	Giồng Trôm	670 m <sup>2</sup> và các HMP	2016-2018	216/QĐ-SXD 29/10/2015	10.973	6.699		6.699	6.699	6.699	6.699					

TT	Dan h mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
12	Sửa chữa Trụ sở cũ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2016-2020	185/QĐ-SXD 26/9/2016	1.425	1.425		1.425	1.425	1.425	1.425					
13	Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2014-2015	2495/QĐ-UBND 31/12/13	14.994	14.547		1.547	1.547	1.547	1.547					
14	Sửa chữa hội trường lớn Ủy ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2016	22/QĐ-SXD 14/5/15	1.462	1.447		1.447	1.447	1.447	1.447					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
15	Sửa chữa trụ sở làm việc Huyện uỷ - Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	C	Châu Thành	Sửa chữa, nâng cấp	2015-2016	4677/QĐ-UBND 30/6/14	4.215	3.308		1.800	1.800	1.800	1.800					
16	Đội quản lý thị trường số 6 tại huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách	C	Mỏ Cày Bắc, Chợ Lách	01 khối nhà, cấp IV	2014-2016	101/QĐ-SXD 26/6/2014	6.019	5.938		2.438	2.438	2.438	2.438					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
17	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	C	TPBT	Khối nhà 01 trệt 01 lầu, cấp IV	2013-2015	224/QĐ-SXD 24/10/2013	12.116	7.300		7.300	7.300	7.300	7.300					
18	Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh	C	7468436	3.300 m2	2015-2017	2140/QĐ-UB 24/10/2014	52.279	2.500		2.500	2.500	2.500	2.500					
19	Sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2015-2016	241/QĐ-SXD 31/10/2014	2.643	2.554		554	554	554	554					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
b)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>						703.488	406.811	-	350.366	350.366	350.366	350.366	-	-	-	-	
1	Trụ sở UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	525 m2	2017-2020	282/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.260	5.200		5.200	5.200	5.200	5.200					
2	Trụ sở UBND xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	650 m2	2017-2020	287/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.951	5.600		5.600	5.600	5.600	5.600					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Trụ sở UBND xã Tân Thiêng, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	707 m2	2017-2020	277/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	6.985	6.600		6.600	6.600	6.600	6.600					
4	Trụ sở UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành	C	Châu Thành	02 tầng	2017-2020	107/QĐ-SXD 01/6/2016	8.988	6.400		6.400	6.400	6.400	6.400					
5	Dự án đầu tư xây dựng Nhà làm việc các sở, ngành tỉnh Bến Tre (6 sở)	B	TPBT	15 tầng	2016-2020	2208/QĐ-UB 20/9/2016	279.000	251.000		251.000	251.000	251.000	251.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
6	Trụ sở UBND xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri	C	Ba Tri	456 m2	2017-2020	279A/QĐ-SXD 31/10/2016	7.687	6.500		6.426	6.426	6.426	6.426					
7	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa	C	Ba Tri	575 m2	2017-2021	199/QĐ-SXD 30/10/2017	8.000	5.700		5.700	5.700	5.700	5.700					
8	Chinh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	31.924m <sup>2</sup>	2019-2021	2101/QĐ-UBND 04/10/2018	31.592	28.000		23.000	23.000	23.000	23.000					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (giai đoạn 2)	C	TPBT	sửa chữa, nâng cấp	2018-2020	2346/QĐ-SXD 31/10/2018	24.384	21.900		21.900	21.900	21.900	21.900					
10	Hội trường lớn huyện ủy Thanh phú	C	Thanh phú	350 chỗ	2020-2022	2229/QĐ-UBND 17/10/2018	6.300	5.040		5.040	5.040	5.040	5.040					
11	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	cải tạo, sửa chữa	2019-2021	181/QĐ-SXD 31/10/2018	3.000	3.000		3.000	3.000	3.000	3.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
12	Trung tâm chính trị hành chính huyện Mô Cày Nam	B	MCN	1922m <sup>2</sup>	2018-2020	2367/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	299.000	50.000			-	-	-					
13	Văn phòng chi cục quản lý thị trường tỉnh và Đội cơ động (giai đoạn 1)	C	TPBT	GPMB	2018-2020	224/QĐ-SXD 31/10/2017	11.970	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
14	Tiểu dự án GPMB công trình Trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh Bến Tre	C	TPBT	GPMB	2020	2362/QĐ-UBND 25/11/2014	1.371	1.371										
VII	AN NINH QUỐC PHÒNG						423.020	191.844	-	172.978	132.978	132.978	110.478	22.500	-	-	-	
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020						94.170	54.500		4.500	4.500	4.500	4.500					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	C	TPBT	2,718 ha	2011-2013	87/QĐ-UB 12/01/09	36.226	2.300		2.300	2.300	2.300	2.300					
2	Doanh trại Ban CHQS huyện Mỏ Cày Bắc/Bộ CHQS tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2013-2014	81/QĐ-UB 02/6/14	57.944	52.200		2.200	2.200	2.200	2.200					
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						328.850	137.344		168.478	128.478	128.478	105.978	22.500				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Trung bày nội thất - Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	TTB	2016-2018	225/QĐ-SXD 7/10/2016	13.804	12.424		12.400	12.400	12.400	12.400					
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Hải đội II biên phòng	C	Ba Tri	726,96 m <sup>2</sup>	2017-2019	2618/QĐ-UB 31/10/2016	33.270	30.000		29.978	29.978	29.978	29.978					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự và nhà ở Dân quân xã, phường, thị trấn	C	Các huyện, thành phố	21 trụ sở	2017-2019	2619/QĐ-UB 31/10/2016	21.000	18.900		18.900	18.900	18.900	18.900					
4	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	C	Châu Thành	Khối nhà chính 3 tầng 690m2	2017-2019	2582/QĐ-UB 31/10/2015	20.000	17.000		13.000	13.000	13.000	13.000					
5	Dự án đầu tư xây dựng Hội trường Công an huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	425m2	2017-2019	141/QĐ-SXD 08/7/2016	2.580	1.500		1.500	1.500	1.500	1.500					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
6	Trạm cảnh sát giao thông đường thủy huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	Đổi ứng với BCA	2016-2020	Quyết định của BCA	15.000	8.824		5.000	5.000	5.000	5.000					
7	Xây dựng Sở chỉ huy và cơ quan trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	C	TPBT	Đổi ứng với BQP	2016-2020	Quyết định của BQP	142.000	8.000		8.000	8.000	8.000	8.000					
8	Tiểu dự án GPMB - Đầu tư xây dựng Sở Chỉ huy Biên phòng tỉnh	C	TPBT	Đổi ứng với BQP	2016-2020	1954/QĐ-UBND 24/8/2017	63.000	22.500		62.500	22.500	22.500		22.500				





TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
12	Xây dựng nơi tạm giữ phương tiện thủy, tang vật vi phạm	C	TPBT	tang vật	2019-2021	204/QĐ-SXD 31/10/2019	6.000	5.576										
IX	Phân cấp huyện - thành phố									1.023.692	1.023.692	605.192	605.192		418.500	418.500		
X	Chi phí thẩm định quyết toán									8.800	8.800	8.800	8.800					
XI	Đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp									5.500	5.500	5.500	5.500					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)								
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất <sup>(2)</sup>			
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
XII	Đầu tư phát triển quỹ đất và đo đạc bản đồ địa chính									88.100	88.100				88.100	88.100		
B	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									116.651	82.336	69.786	69.786		12.550	12.550		

**Phụ lục I**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
**(BAO GỒM NGUỒN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH**  
**TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2015/QĐ-TTg VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tiếp theo)**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú	
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bổ trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bổ trí đến hết kế hoạch năm 2019		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bổ trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất						Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bổ trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
-	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.536.460</b>	<b>419.150</b>	<b>439.648</b>	<b>100.000</b>	<b>74.315</b>	<b>74.315</b>	<b>2.638.573</b>	<b>2.560.258</b>	<b>1.991.108</b>	<b>569.150</b>	<b>1.536.460</b>	<b>419.150</b>	<b>454.648</b>	<b>150.000</b>	<b>78.315</b>	<b>74.315</b>	<b>4.000</b>		

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35				
A	THỰC HIỆN DỰ ÁN	1.471.674	406.600	434.648	100.000	40.000	40.000	2.526.750	2.482.750	1.926.150	556.600	1.473.202	406.600	452.948	150.000	44.000	40.000	4.000		
I	ĐỔI ƯNG CHO DỰ ÁN ODA THEO CƠ CẤU VÀ CHI TRẢ NỢ LÃI VAY	41.455		43.867				61.067	61.067	61.067	-	34.462	-	26.605						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn					
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36					
I.1	Đổi ứng cho các dự án ODA theo cơ cấu	40.655		43.867				60.267	60.267	60.267	-	33.662	-	26.605								
1	Dự án tăng cường QL đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	1.513		3.889				2.320	2.320	2.320		1.820		500								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển Ba tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu (thuộc Hợp phần III, Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long", vay vốn WB)	4.000		25.674				6.224	6.224	6.224			4.000		2.224						







TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
I.2	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	800						800	800	800			800							
II	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ P	90.969		53.952				218.455	215.826	215.252	574	99.080	574	116.172	-	2.629	-	2.629		

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn					
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36					
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020	67.969						92.561	92.561	92.561	-	67.969	-	24.592	-	-	-					
a.1)	Dự án hoàn thành năm 2016	10.922						10.922	10.922	10.922	-	10.922	-	-	-	-	-					



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú				
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn						
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020					
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36						
a.2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016	57.047						81.639	81.639	81.639	-	57.047	-	24.592	-	-	-	-					
1	Dự án HTCS Khu Công nghiệp An Hiệp	17.542						31.462	31.462	31.462		17.542		13.920									

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
2	Dự án CSHT khu công nghiệp Giao Long (giai đoạn 2)	33.272						43.944	43.944	43.944				33.272	10.672						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
3	Dự án CSHT Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Giao Long	6.233						6.233	6.233	6.233				6.233						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020	23.000		53.952				125.894	123.265	122.691	574	31.111	574	91.580	-	2.629	-	2.629			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận							97.201	94.572	93.998	574	2.418	574	91.580		2.629		2.629			







TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn					
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT	64.413		11.976				73.950	73.950	73.950	-	64.413	-	9.537	-	-	-	-	-			
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020	64.413		11.976				73.950	73.950	73.950	-	64.413	-	9.537	-	-	-	-	-			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35					
1	Trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bến Tre	5.470						5.470	5.470	5.470				5.470							
2	Kè bờ sông Bến Tre phía xã Mỹ Thạnh An (giai đoạn 2)	23.561		1.439				23.561	23.561	23.561				23.561							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
3	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qscap)	1.182						1.182	1.182	1.182				1.182							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
4	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú	6.500						6.500	6.500	6.500		6.500									

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
5	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri	12.500		5.137				14.637	14.637	14.637				12.500		2.137					
6	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre	15.200		5.400				22.600	22.600	22.600				15.200		7.400					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
IV	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG	38.233		2.123				38.691	38.691	38.691	-	35.516	-	3.175	-	-	-	-			



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020	9.856						9.856	9.856	9.856	-	9.856	-	-	-	-	-	-			



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
2	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bến Tre	7.053						7.053	7.053	7.053		7.053								
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020	28.377		2.123				28.835	28.835	28.835	-	25.660	-	3.175	-	-	-	-	-	



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	18.500						17.083	17.083	17.083				17.083							





TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36				
V	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	275.530		61.311				343.635	343.635	343.635	-	285.380	-	58.255	-	-	-	-			
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020	231.532		5.309				234.728	234.728	234.728	-	234.728	-	-	-	-	-	-			







TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
5	Trường THPT Chợ Lách A (THPT Trần Văn Kiết), huyện Chợ Lách	19.857						19.857	19.857	19.857				19.857							
6	Trường THPT Thanh Phước, huyện Bình Đại	48.785		1.215				50.041	50.041	50.041				50.041							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
7	Trường THPT Phan Liêm (THPT An Hoà Tây) - Ba Tri	15.972						15.972	15.972	15.972				15.972							
8	Trường THPT An Qui (Lương Thế Vinh) - Thanh Phú	11.819						11.819	11.819	11.819				11.819							



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
11	Trường THPT Nguyễn Huệ (THPT Phú Túc), huyện Châu Thành	30.408		2.592				33.148	33.148	33.148				33.148						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
12	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre	5.717						5.717	5.717	5.717				5.717							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020	43.998		56.002				108.907	108.907	108.907	-	50.652	-	58.255	-	-	-	-	-		
1	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)												-								



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
2	Trường THCS Thành phố Bến Tre			10.000				500	500	500				500						
3	Trường THCS Tân Hội			7.000				13.080	13.080	13.080				13.080						
4	Trường PTCS Tân Mỹ	8.000		7.000				12.042	12.042	12.042		8.000		4.042						
5	Trường THCS An Quy	18.000		-				18.000	18.000	18.000		18.000								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36				
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Ba Tri	9.000		16.000				30.955	30.955	30.955				13.000		17.955					
7	Dự án đầu tư xây	8.998		16.002				34.330	34.330	34.330				11.652		22.678					



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
VI	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐĂNG ĐOÀN THẺ	376.798		115.725				462.442	461.071	461.071	-	369.233	-	91.838	-	1.371	-	1.371			
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020	142.157						142.157	142.157	142.157	-	142.157	-	-	-	-	-	-			



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
3	Trung tâm hành chính xã Hưng Khánh Trung B	5290						5.290	5.290	5.290			5.290							
4	Trụ sở UBND xã Long Hoà	4.800						4.800	4.800	4.800			4.800							
5	Trụ sở UBND xã Tam Hiệp	1.600						1.600	1.600	1.600			1.600							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn					
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
6	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Đức	1.616						1.616	1.616	1.616		1.616										
7	Trung tâm chính trị hành chính huyện Giồng Trôm	30.000						30.000	30.000	30.000		30.000										

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
8	Trụ sở làm việc Đội nghiệp vụ Hải quan	1.840						1.840	1.840	1.840				1.840						
9	Khu hành chính huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	10.400						10.400	10.400	10.400				10.400						



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
10	Hội trường 500 chỗ của huyện Chợ Lách	8.776						8.776	8.776	8.776				8.776							
11	Trung tâm chính trị hành chính xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm	6.699						6.699	6.699	6.699				6.699							





TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
16	Đội quản lý thị trường số 6 tại huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách	2.438						2.438	2.438	2.438				2.438						



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú	
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36				
19	Sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bến Tre	554						554	554	554				554							
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020	234.641	-	115.725	-	-	-	320.285	318.914	318.914	-			227.076	-	91.838	-	1.371	-	1.371	-

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
1	Trụ sở UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	5.200						5.200	5.200	5.200				5.200						
2	Trụ sở UBND xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú	5.600						5.600	5.600	5.600				5.600						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn					
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36					
3	Trụ sở UBND xã Tân Thiêng, huyện Chợ Lách	6.600						6.600	6.600	6.600				6.600								
4	Trụ sở UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành	6.400						6.400	6.400	6.400				6.400								





TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
7	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa	5.700						5.700	5.700	5.700										
8	Chinh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	12.000		11.000				18.426	18.426	18.426				12.000	6.426					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú			
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn						
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020					
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36						
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (giai đoạn 2)	7.200		14.700				14.200	14.200	14.200				9.000		5.200							
10	Hội trường lớn Huyện ủy Thanh phú			5.040				4.800	4.800	4.800				-		4.800							





TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36				
14	Tiểu dự án GPMB công trình Trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh Bến Tre							1.371								1.371		1.371	Bổ sung danh mục kế hoạch trung hạn		
VII	AN NINH QUỐC PHONG	98.978	-	11.500	-	40.000	40.000	148.492	108.492	108.492	-	99.820	-	8.672	-	40.000	40.000	-			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020	4.500						4.500	4.500	4.500	-	4.500	-	-	-	-	-	-		
1	Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	2.300						2.300	2.300	2.300		2.300								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36			
2	Doanh trại Ban CHQS huyện Mô Cây Bắc/Bộ CHQS tỉnh Bến Tre	2.200						2.200	2.200	2.200				2.200						
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020	94.478		11.500		40.000	40.000	143.992	103.992	103.992	-	95.320	-	8.672	-	40.000	40.000	-		



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
1	Trung bày nội thất - Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	12.400						12.400	12.400	12.400				12.400							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Hải đội II biên phòng	29.978						29.422	29.422	29.422				29.422						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
3	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự và nhà ở Dân quân xã, phường, thị trấn	18.300		600				18.300	18.300	18.300				18.300							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
4	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	13.000						13.000	13.000	13.000			13.000								





TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
7	Xây dựng Sở chỉ huy và cơ quan trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	8.000						8.000	8.000	8.000			8.000							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
8	Tiểu dự án GPMB - Đầu tư xây dựng Sở Chỉ huy Biên phòng tỉnh					40.000	40.000	40.000								40.000	40.000				
9	Trạm kiểm soát biên phòng Bình Thắng	7.300						7.300	7.300	7.300			7.300								



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
10	Trạm biên phòng bên Đầm/Đồn Biên phòng Cô Chiên	4.000		5.900				9.494	9.494	9.494		5.398		4.096							
11	Hạ tầng khu đất phục vụ sắp xếp dân cư							3.500	3.500	3.500				3.500						Bổ sung danh mục kế hoạch trung	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)											Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020							
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:					
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020			
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36		
																				hạn	
12	Xây dựng nơi tạm giữ phương tiện thủy, tang vật vi phạm							1.076	1.076	1.076					1.076					Bổ sung danh mục kế hoạch trung	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú		
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:				Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất			Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn					
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				
19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35						
																		hạn				
IX	Phân cấp huyện - thành phố	473.298	318.500	131.894	100.000			1.063.192	1.063.192	609.692	453.500	473.298	318.500	136.394	135.000							
X	Chi phí thẩm định quyết toán	6.800		2.000				8.800	8.800	8.800		6.800		2.000								
XI	Đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	5.200		300				5.500	5.500	5.500		5.200		300								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần I)						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần II)												Ghi chú
		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020						Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang trong giai đoạn 2016-2020						
		Trong đó:				Trong đó:		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và sử dụng đất được giao	Trong đó		Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn				Trong đó:				
		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019			Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	Đến hết kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang được giao	Lũy kế bố trí vốn trong trung hạn			
		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất							Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		
1	2	19	20	21	22	23	24	25=26+33	26=27+28	27=29+31	28=30+32	29	30	31	32	33=34+35	34	35	36	
XII	Đầu tư phát triển quỹ đất và đo đạc bản đồ địa chính		88.100					102.526	102.526		102.526	-	87.526		15.000					
B	CHUẢ N BỊ ĐẦU TƯ	64.786	12.550	5.000		34.315	34.315	111.823	77.508	64.958	12.550	63.258	12.550	1.700		34.315	34.315			

**Phụ lục II**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
(BAO GỒM VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)  
GIAI ĐOẠN 2017-2020**

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)										
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)					Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:			
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22		
-	<b>TỔNG CỘNG</b>	-	-	-	-		<u>13.489.687</u>	<u>5.150.027</u>	<u>6.816.655</u>	<u>5.181.655</u>	<u>332.655</u>	<u>4.849.000</u>	<u>3.509.000</u>	<u>1.340.000</u>	<u>1.335.000</u>	<u>618.550</u>	<u>175.000</u>		
A	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>						13.489.687	5.150.027	6.816.655	5.181.655	332.655	4.849.000	3.509.000	1.340.000	1.335.000	618.550	175.000		

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
									Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
I	Hỗ trợ Chương trình Xây dựng Nông thôn mới								893.662	853.662		853.662	603.662	250.000	40.000	40.000	40.000
II	Trả nợ Chương trình KCH kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, CSHT nuôi								175.000	96.250		96.250	96.250		78.750	78.750	

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
	trồng thủy sản và CSHT làng nghề ở nông thôn																
III	Trả nợ tạm ứng vốn tồn ngân kho bạc nhà nước trong giai đoạn 2017- 2020								300.000						300.000		

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
IV	Bố trí vốn kế hoạch để thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh								164.943	164.943		164.943	164.943				
1	Khu chỉnh trị hành chính xã Tân Hội	C	MCN	600m2	2012-2014	145/QĐ-SXD 15/10/2010			5.200	5.200		5.200	5.200				
2	Trường Tiểu học Tân Thành Bình 2	C	MCB	612 học sinh	2016-2016	160/QĐ-SXD 25/9/2015			2.428	2.428		2.428	2.428				



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
3	Nhà làm việc của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể	B	Thành phố Bến Tre	Khối nhà 10 tầng	2012-2016	2528/QĐ-UB 28/10/2011			7.103	7.103			7.103	7.103				
4	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định	B	huyện Châu Thành	6 km	2011-2015	704/QĐ-UB 25/3/10; 1857/QĐ-UB 27/9/2012			150.212	150.212			150.212	150.212				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22
V	Thanh toán nợ đọng XDCB theo chỉ thị 07/CT-TTg và tất toán, quyết toán, thanh toán nợ khối lượng các công trình hoàn thành								47.948	6.831		6.831	6.831		41.117	31.117	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
VI	Bố trí vốn kế hoạch để thanh toán khối lượng công trình hoàn thành các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước								45.000	45.000		45.000	45.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
												Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
VII	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay								12.085						12.085	12.085	
VIII	Bổ sung chi phí thẩm định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành								1.000						1.000	1.000	1.000

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22	
IX	Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ đề án GTNT theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới								161.000	136.000		136.000	80.000	56.000	25.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
X	Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ triển khai công tác lập quy hoạch của Tỉnh (theo Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017)								22.000	22.000	10.000	12.000	10.000	2.000			
XI	Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ Quỹ Hợp tác xã								5.000	5.000		5.000	5.000				

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT a u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
XII	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương																
XIII	CÔNG NGHIỆP						3.296.400	1.837.200	917.105	249.655	119.655	130.000	70.000	60.000	367.450	30.000	
a)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						3.296.400	1.837.200	917.105	249.655	119.655	130.000	70.000	60.000	367.450	30.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	A	Bình Đại	231 ha	2016-2020 và sau 2020	Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 3/8/2016	2.127.000	1.000.000	395.500	30.500	30.500				65.000		
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mời gọi đầu tư cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành	C	Châu Thành	20ha	2016-2020	1598/QĐ-UB 17/7/2017	70.400	70.400	48.400						48.400		



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
3	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận	B	Bình Đại	45ha	2019-2023	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	492.000	220.500	169.050	10.000		10.000		10.000	159.050			
4	Đầu tư CSHT phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre (giai	B	Châu Thành	17ha	2019-2023	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	607.000	546.300	304.155	209.155	89.155	120.000	70.000	50.000	95.000	30.000		

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
	đoạn 2)																
5	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp Phong Năm	B	Giồng Trôm	42 ha	2017-2021	433/HĐN D-CTNĐND ngày 28/7/2016	332.485	150.000									
XIV	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT						1.212.615	178.155	102.896	65.441	12.000	53.441	18.741	34.700	37.455	32.455	7.655

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
a)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>						748.654	17.196	16.841	8.241	-	8.241	8.241	-	8.600	8.600	-
1	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qseap)	C	các huyện thành phố	2,1 km2	2009-2015	414/QĐ-BNN 28/02/2013	71.348	700	345	345		345	345				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22	
2	Tuyến đê biên Thanh phú (giai đoạn 1)	B	Thanh phú	52,4km	2011-2020	2866/QĐ-UBND 23/12/2010	159.000	7.450	7.450	7.450		7.450	7.450					
3	Dự án AMD (Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu Đồng bằng Sông Cửu Long)	B	30 xã	2014-2020	2014-2020	2169/QĐ-UBND 22/11/2013	517.860	8.600	8.600						8.600	8.600		



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
b)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						463.961	160.959	86.055	57.200	12.000	45.200	10.500	34.700	28.855	23.855	7.655
1	Đê bao ngăn mặn ven sông Hàm Luông (đoạn từ ranh Ba Tri - Giồng Trôm đến công Cái Mít)	B	Giồng Trôm	13,2 km	2015 - 2017	237/QĐ-UB 05/02/15	53.299	14.200	10.000	10.000		10.000	10.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22
2	Gia cố chống sạt lở khẩn cấp tuyến đê bao ấp Hoà Thuận, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	1,2km	2016-2018	213/QĐ-SNN 17/5/2016	8.379	7.655	7.655						7.655	7.655	7.655
3	Dự án tái định cư khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre	C	TPBT	hạ tầng cơ sở	2019-2021	1283/QĐ-UB 16/6/2018	41.700	21.700	5.500	5.500		5.500	500	5.000			

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
4	Dự án cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù lao Minh trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	B	huyện Chợ Lách, Mô Cày Bắc, Mô Cày Nam và Thanh phú	Dài tuyến ống 76,31km và 03 trạm tăng áp	2018-sau 2020	2232/QĐ-UB 26/10/ 2018	275.000	36.200	36.200	20.000		20.000		20.000	16.200	16.200	



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
5	Cơ sở Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống cháy rừng đặc dụng xã Thạnh Phong và xã Thạnh Hải huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	1.741m	2017-2018	1741/QĐ-UB 31/7/2017	14.792	14.792	4.700	4.700		4.700		4.700			
6	Xử lý nước thải khu vực cảng cá Ba Tri	C	Ba Tri	800m3	2020-2022	1325/QĐ-UB 21/6/2019	17.000	17.000	5.000						5.000		

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
7	Mở rộng cầu tàu Cảng cá Bình Đại	C	Bình Đại	mở rộng 9m theo chiều dài 100m	2020- 2022	1294/QĐ -UB 17/6/201 9	10.000	10.000	5.000	5.000		5.000		5.000			
8	Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành	C	Châu Thành	4500m	2020- 2022	640/QĐ- UBND 09/4/201 9	43.791	39.412	12.000	12.000	12.000						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
XV	LĨNH VỰC CÔNG CỘNG						1.038.818	125.677	115.277	75.883	60.000	15.883	7.283	8.600	39.394	19.394	
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020						15.818	2.283	2.283	2.283	-	2.283	2.283		-		
1	Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	C	Châu Thành	GPMB	2015-2017	2694/QĐ-UB 30/12/2014	9.494	1.537	1.537	1.537		1.537	1.537				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
2	Mở rộng bãi rác Phú Hưng, Thành phố Bến Tre	C	TPBT	Mở rộng 6.609 m <sup>2</sup> ; cải tạo 2.000m <sup>2</sup>	2016-2018	823/QĐ-UB 25/3/2016	6.324	746	746	746		746	746				
b)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						1.023.000	123.394	112.994	73.600	60.000	13.600	5.000	8.600	39.394	19.394	-

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
1	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	B	TPBT	Tiểu dự án	2016-2020	01/NQ-HĐND ngày 24/3/2017	1.023.000	123.394	112.994	73.600	60.000	13.600	5.000	8.600	39.394	19.394	
XVI	<b>GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>						3.699.968	1.334.785	770.735	620.390	131.000	489.390	306.448	182.942	150.345	141.345	121.345

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
a)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016- 2020</i>						2.469.791	497.406	250.327	128.982	43.000	85.982	65.982	20.000	121.345	121.345	121.345
1	Xây dựng mặt đường tuyến tránh An Bình Tây - An Đức, huyện Ba Tri	C	Ba Tri	02 km	2013- 2017	2535/ QĐ-UB 31/10/11	35.000	30.000	15.000	15.000		15.000	15.000				

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
2	Cầu Phong Nằm trên ĐH 173, liên huyện Châu Thành - Giồng Trôm	C	CT-GT	358,9 mét	2012- 2017	1160/ QĐ-UB 21/6/2012 và số 1943/QĐ- UBND ngày 11/10/2012	295.839	194.928	41.908	20.563		20.563	20.563		21.345	21.345	21.345
3	Tuyến tránh thị trần Giồng Trôm - ĐT.885	B	Giồng Trôm	9,370 km	2009	1758/QĐ- UB 13/9/2012	368.925	103.375	6.482	6.482		6.482	6.482				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)										
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)					Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:			
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22		
4	Đường huyện ĐH.07 (Bình Thới - Định Trung), huyện Bình Đại	B	Bình Đại	4,523 km	2015-2019	66/QĐ-SKHĐT 24/10/2014	46.687	33.000	7.861	7.861		7.861	7.861						



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
5	Cải tạo và nâng cấp Huyện lộ 14 (đoạn từ công viên thị trấn Ba Tri đến Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu, công chào An Đức)	B	Ba Tri	2,216 km	2015-2019	1660/QĐ-UB 18/08/14	59.985	33.000	13.000	13.000		13.000	13.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)										
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)					Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:			
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22		
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.884 đoạn từ cầu Tre Bông đến QL.57 và cầu Thành Triệu (WB5)	B	Châu Thành	Cải tạo, nâng cấp tuyến	2009-2014	2333/QĐ-UBND 16/11/2013	277.068	500	473	473		473	473						
7	GPMB dự án cầu Cổ Chiên - QL60	C	MCN	Tiểu dự án GPMB	2016-2018	3053/QĐ-BGTVT 22/10/2010	72.762	2.603	2.603	2.603		2.603	2.603						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
												Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
8	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định	B	huyện Châu Thành	6 km	2011-2015	704/QĐ-UB 25/3/10; 1857/QĐ-UB 27/9/2012	662.242	65.000	65.000						65.000	65.000	65.000
9	ĐT.883 (đường vào cầu Rạch Miễu đến cầu An Hóa)	B	Châu Thành	10,916 Km	2010-2014	781/QĐ-UB 01/04/10	651.283	35.000	98.000	63.000	43.000	20.000		20.000	35.000	35.000	35.000

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						1.230.177	837.379	520.408	491.408	88.000	403.408	240.466	162.942	29.000	20.000	-
1	Đường Nguyễn Huệ nối dài (đoạn từ ngã tư Tú Điện đến cầu Phú Dân)	C	Thành phố Bến tre	652,1m	2016-2018	2317/QĐ-UB 30/10/2015	66.553	42.250	22.250	22.250		22.250	22.250				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
2	Cầu Hương Điền trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60k m/h	2016-2020	2303/QĐ-UB 30/10/2015	73.293	35.200	5.200	5.200		5.200	5.200				
3	Cầu Lương Ngang trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60k m/h	2016-2020	728/QĐ-UB 30/3/2016	24.100	22.022	9.522	9.522		9.522	9.522				
4	Cầu Ba Lạt trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60k	2016-2020	730/QĐ-UB 30/3/2016	35.993	25.387	12.887	12.887		12.887	12.887				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
				m/h													
5	Cầu Đò trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60k m/h	2016-2020	729/QĐ-UB 30/3/2016	44.117	33.039	20.539	20.539		20.539	20.539				
6	Cầu Nguyễn Tấn Ngải trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60k m/h	2016-2020	731/QĐ-UB 30/3/2016	34.351	24.631	12.131	12.131		12.131	12.131				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
7	Cầu Ông Kèo, xã Vĩnh Thành - Vĩnh Hòa	C	Chợ Lách	cầu 5 nhịp; đường vào cầu	2017-2019	2840/QĐ-SGTVT 31/10/2016	4.852	4.852	4.550	4.550		4.550	4.550				
8	Đường Chợ Chùa – Hữu Định (đoạn 1: từ Ao Sen chợ Chùa đến Đại lộ Đồng Khởi)	C	Thành phố Bến tre	77m	2017-2020	165/QĐ-SXD 28/9/2017	10.500	2.689	2.689	2.689		2.689	2.689				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
9	Đường vào Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Ba Tri	C	Ba Tri	2km	2020	2343/QĐ-UBND 30/10/2018	53.087	47.778	15.000	15.000		15.000	5.000	10.000				
10	Đường vào trung tâm xã Tường Đa	C	Châu Thành	3,5km	2018-2020	2637/QĐ-SGTVT 31/10/2017	11.355	10.800	10.800	10.800		10.800	10.800					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
11	Đầu tư hạ tầng phục vụ mô hình thí điểm hợp tác xã Bưởi da xanh thị trấn Châu Thành (hạng mục đường D3,D4)	C	Châu Thành	hạng mục đường D3,D4	2018-2020	224a/QĐ-UBND 31/10/2017	6.000	5.400	5.400	5.400		5.400	5.400					

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22	
12	Cầu Khánh Hội, (liên xã Tiên Long - Tiên Thủy)	C	Châu Thành	132m và đường dân sinh	2019- 2020	2838/QĐ- SGTVT 31/10/ 2017	14.642	14.642	14.000	14.000		14.000	14.000					
13	Đường vành đai ven sông Ba Lai (đường Rạch Gừa)	C	Bình Đại	Đường GTNT cấp V	2019- 2021	2620/QĐ- UBND 31/10/ 2017	21.000	19.000	19.000	19.000		19.000	10.000	9.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
14	Đường cá Muồng và Cầu 19/5 xã Lộc Thuận	C	Bình Đại	Đường GTNT cấp V, cầu BTCT	2018-2020	854/QĐ-SGTVT 31/3/2016	8.000	8.000	7.200	7.200		7.200	7.200					
15	Nâng cấp, cải tạo Đường liên xã Phước Mỹ Trung - Thành An	C	MCB	1,5 km	2018-2020	2413/QĐ-SGTVT 23/10/2018	5.000	5.000	5.000	5.000		5.000	5.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
16	Cầu Hòa Lợi (trên đường huyện 26), xã Hòa Lợi	C	Thanh Phú	13T	2018-2020	2610/QĐ-SGTVT 30/10/2017	5.700	5.700	5.700	5.700		5.700	5.700					
17	Đầu tư xây dựng các cầu yếu trên ĐH.22 Mô Cày Nam	C	MCN	13T	2018-2020	1267/QĐ-UBND 18/6/2018	18.000	16.200	16.200	16.200		16.200	13.000	3.200				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
18	Đường ĐH.11 (từ ĐH.10 nối dài đến ĐT.887)	C	Giồng Trôm	đường cấp V đồng bằng, 6,2km	2020	3130/QĐ-UBND 26/12/2017	60.000	54.000	10.000	10.000		10.000		10.000			
19	Cầu Cái Sơn xã Tân Thiềng huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	dài 56,6m; 0.65HL 93	2019-2021	509/QĐ-SGTVT 30/3/2016	7.511	7.500	7.500	7.500		7.500	3.000	4.500			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
20	Nâng cấp sửa chữa ĐH36 và xây mới 02 cầu (Hậu Cự và Địa Cừ) huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	02 cầu 0,65HL 93	2019-2021	2484/QĐ-SGTVT 30/10/2018	14.990	14.990	14.900	14.900		14.900	3.500	11.400				
21	ĐH.38 huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	2.881m	2019-2021	2483/QĐ-SGTVT 30/10/2018	14.998	14.998	14.900	14.900		14.900	3.500	11.400				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
22	Nâng cấp, sửa chữa ĐH41 huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	18.097 m	2019-2021	2341/QĐ-UBND 30/10/2018	29.987	27.000	27.000	27.000		27.000	4.858	22.142			
23	Đường huyện lộ 33	C	Chợ Lách	Đường GTNT cấp V	2016-2020	3019/QĐ-SGTVT 30/3/2016	8.543	8.543	8.500	8.500		8.500	3.000	5.500			
24	Đường vào trung tâm xã Tân Thiềng	C	Chợ Lách	02 km	2016-2020	802/QĐ-SGTVT 29/10/2015	11.355	11.355	11.300	11.300		11.300	3.000	8.300			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
25	Xây dựng cầu Phú Long trên ĐT.883	C	Châu Thành	62,54m	2019-2021	1238/QĐ-UBND 13/6/2018	17.996	16.200	16.200	16.200		16.200	12.000	4.200			
26	Xây dựng cầu Thừa Mỹ trên ĐT.886	C	Bình Đại	3 nhịp 33m	2019-2021	1234/QĐ-UBND 12/6/2018	31.944	31.500	31.500	31.500		31.500	20.000	11.500			



TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
27	Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú	B	huyện Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú	39,33k m	2018- sau 2020	2300/QĐ- UBND 24/10/ 2018	288.000	92.000	92.000	63.000	26.000	37.000	10.000	27.000	29.000	20.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
28	Đường vào trung tâm xã Hưng Nhượng (đoạn từ ĐT.887 đến cầu Hiệp Hưng)	C	Giồng Trôm	6km	2018-2020	2621/QĐ-SGTVT 31/10/2017	11.740	11.740	11.740	11.740		11.740	11.740					
29	Đường vào Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ôn (đoạn từ QL60 đến bến đò An Hóa)	C	Châu Thành	10.330 m	2016-2020	751/QĐ-UBND 31/10/2016	49.200	44.280	15.000	15.000	15.000							

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
30	Đường giao thông kết hợp đê chống lũ, xấp nhập mặn các xã Tân Thành Bình - Thạnh Ngãi- Phú Mỹ	C	MCB	5.091m	2016-2020	2621/QĐ-UBND 31/10/2016	29.729	26.756	10.000	10.000	10.000							
31	Đường vào Khu dân cư Bình Thắng	C	Bình Đại	1000m	2020-2022	1086a/QĐ-UBND 22/5/2019	5.000	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
32	Cầu Thanh Trì trên ĐH.40 huyện Bình Đại	C	Bình Đại	38,3m HL93 và đường vào cầu	2020-2022	852/QĐ-SGTVT 31/3/2016	5.500	5.500	5.500	5.500		5.500		5.500			
33	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Định, ĐH10 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến Bình thành)	C	Giồng Trôm	2.225,9 m	2019-2021	2336/QĐ-UBND 29/10/2018	37.141	33.427	10.000	10.000	10.000						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
34	Xây dựng hệ thống thoát nước vỉa hè cây xanh chiếu sáng trên tuyến QL60 (đoạn đường dẫn vào cầu Rạch Miễu)	B	Châu Thành	hạ tầng kỹ thuật	2020-2025	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	100.000	90.000	41.300	41.300	27.000	14.300	14.300	-				

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22	
35	Xây dựng bến phà tạm đê giải quyết ùn tắc giao thông trong thời gian xây dựng cầu Rạch Miễu 2	C	Châu Thành	hạ tầng kỹ thuật	2020- 2022	1596/QĐ- UBND ngày 08/7/2020	70.000	20.000										
<b>XVI I</b>	<b>LĨNH VỰC Y TẾ - XÃ HỘI</b>						<b>2.259.881</b>	<b>529.137</b>	<b>646.498</b>	<b>637.200</b>	<b>-</b>	<b>637.200</b>	<b>551.300</b>	<b>85.900</b>	<b>9.298</b>	<b>9.298</b>	<b>5.000</b>	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
									Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020	
						Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn					Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
XVI II	LĨNH VỰC Y TẾ						2.131.456	412.266	565.727	561.429	-	561.429	480.429	81.000	4.298	4.298	-
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020						179.572	44.559	278.471	274.173		274.173	211.173	63.000	4.298	4.298	
1	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	C	Thành phố Bến Tre	2.300 m2	2012 - 2016	2458/QĐ-UB 25/10/2011	46.819	17.032	12.326	12.326		12.326	12.326				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
2	Dự án Khoa Nội A - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	C	TPBT	3.163m <sup>2</sup>	2013-2017	1237/QĐ-UB 31/5/2010	56.849	1.696	1.696	1.696		1.696	1.696					
3	Bệnh viện Đa khoa Hàm Long	B	Châu Thành	90 giường bệnh	2+A1 09+F1 08	2168/QĐ-UB 29/10/2014	75.904	25.831	21.331	21.331		21.331	21.331					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
4	Tăng cường CSVC ngành Y tế								243.118	238.820		238.820	175.820	63.000	4.298	4.298	
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						1.951.884	367.707	287.256	287.256		287.256	269.256	18.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre (ODA Hàn Quốc)	B	MCB	Tiểu dự án GPMB	2016-2020	1594/QĐ-UBND 18/8/2015	1.677.000	136.000	135.400	135.400		135.400	135.400					
2	Lò đốt rác y tế Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	C	TPBT	212 m2	2016-2018	46/QĐ-SXD 31/3/2016	14.904	14.904	14.839	14.839		14.839	14.839					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
3	Cải tạo, chuyển đổi chức năng Khoa Chuẩn đoán hình ảnh thành Khoa Nhi - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	C	Thành phố Bến Tre	2.155 m2	2016-2018	73/QĐ-SKH 30/10/2014	25.367	23.500	17.714	17.714		17.714	17.714					

TT	Dan muc dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020						
									Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:				
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22	
4	Dự án Tăng cường trang thiết bị y tế phục vụ chuẩn đoán hình ảnh và điều trị Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	B	Thành phố Bến Tre	19 máy	2016- 2018	2308/QĐ- UB 30/10/ 2015	63.107	63.107	31.107	31.107		31.107	31.107					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	Cải tạo, nâng cấp và trang thiết bị	2017-2021	2604/QĐ-UBND 31/10/2016	65.000	58.000	58.000	58.000		58.000	55.000	3.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
6	Dự án xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	C	Thành phố Bến Tre	Đầu tư mới, CTDD cấp III			26.506	196	196	196		196	196				
7	Trung tâm y tế huyện Mô Cày Bắc	B	MCB	19,439 m <sup>2</sup>	2019-2023	1923/QĐ-UBND 17/9/2018	80.000	72.000	30.000	30.000		30.000	15.000	15.000			
<b>XVI L.II</b>	<b>LĨNH VỰC XÃ HỘI</b>						<b>128.425</b>	<b>116.871</b>	<b>80.771</b>	<b>75.771</b>		<b>75.771</b>	<b>70.871</b>	<b>4.900</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22	
a)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>						15.230	14.460	8.960	8.960		8.960	8.960					
1	Mua sắm thiết bị Đèn thờ Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh (trương bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại đồng chung, giá	C	Châu Thành	trang thiết bị	2016-2018	326/QĐ-UB 12/3/2013	2.190	1.960	960	960		960	960					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
	treo)																
2	Dự án đầu tư Không gian ghi công Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bến Tre	C	Châu Thành	bia tưởng niệm	2016-2018	77/QĐ-SXD 30/6/2015	13.040	12.500	8.000	8.000		8.000	8.000				



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						113.195	102.411	71.811	66.811		66.811	61.911	4.900	5.000	5.000	5.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	16,284 m2	2017-2022	2321/QĐ-UBND 02/10/2017	85.195	76.600	46.000	46.000		46.000	42.000	4.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
2	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp các cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tỉnh Bến Tre	C	Ba Tri	Nâng cấp, sửa chữa các cơ sở	2018-2020	1478/QĐ-UBND 30/6/2017	18.800	16.900	16.900	11.900		11.900	11.000	900	5.000	5.000	5.000
3	Dự án khẩn cấp xây dựng một số hạng mục tại cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện	C	Ba Tri	Nâng cấp, sửa chữa các cơ sở	2018-2021	225/QĐ-SXD 31/10/2017	9.200	8.911	8.911	8.911		8.911	8.911				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
	tỉnh Bến Tre																
XVI II	LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH						840.034	392.687	220.984	220.984	-	220.984	174.798	46.186	-		-

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
a)	Dự án hoàn thành năm 2016						127.355	95.000	30.175	30.175			30.175	30.175				
1	Trung tâm văn hoá tỉnh Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	11.816 m <sup>2</sup>	2014-2019	1884/QĐ-UB 02/10/2013	96.535	86.000	27.100	27.100			27.100	27.100				
2	Trung tâm văn hoá thành phố Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	3.006 m <sup>2</sup>	2014-2016	359/QĐ-UB 12/6/2013	30.820	9.000	3.075	3.075			3.075	3.075				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
b)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>						372.248	166.531	75.751	75.751			75.751	75.751				
1	Sân vận động tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	C	Thành phố Bến Tre	57,600 m <sup>2</sup>	2015-2017	1311/QĐ-UB 04/7/14	59.500	50.345	11.870	11.870			11.870	11.870				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
2	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Cồn Bùng, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú (đường từ nghĩa trang liệt sĩ Hồ Cò đến Cồn Bùng)	B	Thạnh Phú	7,791 km	2015-2017	2156/QĐ-UB 28/10/2014	54.668	19.000	9.000	9.000		9.000	9.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020						
									Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
3	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên	C	Thành phố Bến Tre	GPMB và các HMP	2015-2016	104/QĐTW ĐTN 13/3/2013	105.000	37.231	2.231	2.231		2.231	2.231					
4	Đài truyền thanh huyện Mộ Cày Bắc	C	MCB	khối nhà 02 tầng	2014-2015	164/QĐ-SXD 29/9/2014	8.966	2.514	2.514	2.514		2.514	2.514					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
5	Dự án đầu tư xây dựng Tôn tạo, trùng tu và mở rộng khu tượng đài chiến thắng Lộ Thơ	C	Châu Thành	950 m2	2015-2016	156/QĐ-SXD 19/9/2014	4.416	4.000	4.000	4.000		4.000	4.000					
6	Dự án đầu tư xây dựng Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm	C	Giồng Trôm	1.594 m2	2017-2019	223/QĐ-SXD 30/10/2015	8.400	8.172	6.550	6.550		6.550	6.550					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22	
7	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển tại Bến Tre	B	Thanh Phú	10,485 ha	2017-2019	2151/QĐ-UB 29/10/12	82.274	8.030	8.030	8.030		8.030	8.030					
8	Hậu cứ Đoàn cải lương	C	Thành phố Bến tre	962 m2	2017-2019	2310/QĐ-UB 30/10/2015	16.163	14.500	8.817	8.817		8.817	8.817					

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà cổ Huỳnh phủ và Khu mộ	C	Thanh Phủ	Trùng tu, tôn tạo	2013- 2015	2608/QĐ- UB 28/12/ 2015	18.861	18.000	18.000	18.000		18.000	18.000					
10	Trùng tu tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Hòa	C	Giông Trôm	Trùng tu, tôn tạo	2013- 2015	1757/QĐ- UBND ngày 13/9/2012	14.000	4.739	4.739	4.739		4.739	4.739					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
									Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020		
						Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn					Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
c)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						340.431	131.156	115.058	115.058		115.058	68.872	46.186				
1	CSHT phục vụ du lịch các xã ven sông Tiên (giai đoạn 2) (Đoạn 1: từ xã An Khánh đến xã Phú Đức)	B	Châu Thành	14,826 km đường; 05 cầu	2016-2020	2848/QĐ-UB 31/12/2015; 390/QĐ-UB 26/02/2016	198.994	40.000	40.000	40.000		40.000	32.714	7.286				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
2	Tượng đài chiến thắng Giá Thè	C	Thanh Phú	Tượng đài	2016-2018	244/QĐ-SXD 26/10/2016	8.515	7.600	7.600	7.600		7.600	7.600					
3	Xây dựng mới trụ sở UBND xã và sửa chữa nhà văn hoá xã Thành Triệu, huyện Châu Thành	C	Châu Thành	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2018-2019	90/QĐ-SXD 9/5/2017	8.600	300	300	300		300	300					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
4	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thiêng, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	263/QĐ-SXD 31/10/2016	3.000	2.400	2.400	2.400		2.400	2.400					
5	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Long Thới, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	264/QĐ-SXD 31/10/2016	3.000	2.400	2.400	2.400		2.400	2.400					

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020						
									Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:				
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22	
6	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thanh Tây, huyện Mộ Cây Bắc	C	Mộ Cây Bắc	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017- 2019	277/QĐ- SXD 31/10/ 2016	2.500	2.000	2.000	2.000		2.000	2.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
7	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Thới, huyện Mô Cày Nam	C	Mô Cày Nam	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	292/QĐ-SXD 31/10/2016	3.000	2.400	2.400	2.400		2.400	2.400					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
8	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm	C	Giồng Trôm	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	294/QĐ-SXD 31/10/2016	2.500	1.898	1.898	1.898		1.898	1.898					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
9	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	284/QĐ-SXD 31/10/2016	3.084	2.460	2.460	2.460		2.460	2.460					
10	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Mỹ Hoà, huyện Ba Tri	C	Ba Tri	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	254/QĐ-SXD 27/10/2016	3.100	2.400	2.400	2.400		2.400	2.400					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
11	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	281/QĐ-SXD 31/10/2016	1.956	1.500	1.500	1.500		1.500	1.500					
12	Hồ bơi tỉnh Bến Tre	C	thành phố Bến Tre	Hồ bơi	2017-2019	121/QĐ-SXD 13/8/2018	10.800	2.800	2.800	2.800		2.800	2.800					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22	
13	Cải tạo nâng cấp trung tâm văn hóa thể thao huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	Cải tạo nâng cấp	2019-2021	180/QĐ-SXD 31/10/2018	9.998	9.998	6.900	6.900		6.900	3.000	3.900				
14	Cải tạo, nâng cấp đền thờ đồng chí Huỳnh Tấn Phát thành Khu lưu niệm	C	Bình đại	4000 m2	2018-2020	2353/QĐ-UBND 30/10/2018	23.621	5.000	5.000	5.000		5.000	5.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
15	Nâng cấp hoàn chỉnh khu Đèn thờ Phan Văn Trị	C	Giồng Trôm	Nhà trưng bày và các HMP	2020	121/QĐ-UBND 17/01/2019	1.500	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000			
16	Nâng cấp, chuyên chất liệu Tượng đài Đồng Khởi Bến Tre	C	TPBT	Nâng cấp	2019-2021	739/QĐ-UBND 19/4/2019	20.542	18.400	10.000	10.000		10.000		10.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
17	Trùng tu, nâng cấp di tích Cây Đa Đồi	C	Ba Tri	Trùng tu, nâng cấp	2019-2021	727/QĐ-UBND 18/4/2019	14.757	7.700	7.700	7.700		7.700		7.700			
18	Xây dựng Khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc tại Khu di tích Chùa Tuyên Linh	C	MCN	9.020 m2	2019-2021	725/QĐ-UBND 18/4/2019	14.640	14.600	10.000	10.000		10.000		10.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
19	Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm (giai đoạn 2)	C	Giồng Trôm	1.594m 2	2020-2022	1050/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	6.324	6.300	6.300	6.300		6.300		6.300				
XIX	LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG						82.294	50.500	35.500	32.000	-	32.000	15.500	16.500	3.500	3.500	-	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020	Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						82.294	50.500	35.500	32.000		32.000	15.500	16.500	3.500	3.500	0
1	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	C	Thành phố Bến Tre	Khối hội trường	2017-2020	984/QĐ-UE 10/5/2018	30.000	27.000	27.000	27.000		27.000	15.500	11.500			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Hệ thống trang thiết bị CNTT	2016-2018	2590/QĐ-UB 31/10/2016	25.000	3.500	3.500						3.500	3.500	



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1)	C	các huyện, thành phố	Phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin	2020-2022	1321/QĐ-UB 21/6/2019	20.000	20.000	5.000	5.000		5.000		5.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
4	Mua sắm Camera lấy tin chuẩn HD/4K	C	TPBT	Hệ thống trang thiết bị CNTT	2020-2022	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.294										
XX	<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>						<b>946.808</b>	<b>666.085</b>	<b>1.936.916</b>	<b>1.912.416</b>	<b>-</b>	<b>1.912.416</b>	<b>1.320.244</b>	<b>592.172</b>	<b>24.500</b>	<b>24.500</b>	<b>-</b>

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020						370.427	202.969	1.570.700	1.546.200		1.546.200	988.210	557.990	24.500	24.500	
1	Đề án KCH trường lớp, học và nhà công vụ Giáo viên		Các huyện		2013-2020				179.384	178.384		178.384	178.384		1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
2	Tăng cường CSVC ngành Giáo dục Đào tạo lồng ghép hỗ trợ chương trình nông thôn mới		Các huyện		2016-2020				1.328.371	1.304.871		1.304.871	746.881	557.990	23.500	23.500	
3	Trường Tiểu học Phú Thọ - Thành phố Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	1.110 hs	2012 - 2016	2361/QĐ-UB 12/10/2011	63.717	44.000	14.000	14.000		14.000	14.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
4	Trường Mầm non Khu Công nghiệp Giao Long, huyện Châu Thành	C	Châu Thành	12 phòng	2015-2017	207/QĐ-SXD 31/10/2014	14.636	7.862	2.862	2.862		2.862	2.862					
5	Trường THPT Phan văn Trị (giai đoạn 2)	C	Giồng Trôm	11332 m2	2016-2018	2416/QĐ-UB 18/10/11	35.000	2.110	2.110	2.110		2.110	2.110					

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT a u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22	
6	Trường THCS Tiên Thủy	C	Châu Thành	1.100 hs	2011- 2017	1351/QĐ- UB 11/7/2014	59.831	53.847	10.449	10.449		10.449	10.449					
7	Trường THCS Mỹ Nhơn	C	Ba Tri	480hs	2014 - 2016	57/QĐ- SKH 14/10/ 2014	29.667	25.500	1.874	1.874		1.874	1.874					
8	Trường THCS Mỹ An	C	Thanh Phủ	408hs	2014 - 2018	1824/QĐ- UB 11/10/ 2013	32.383	25.553	2.553	2.553		2.553	2.553					

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT a u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bổ trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22
9	Trường THCS Huyện Tân Phát	C	Bình Đại	630 học sinh	2015- 2019	171/QĐ- UB 24/01/ 2014	46.068	10.183	10.183	10.183		10.183	10.183				
10	Trường THCS An Ngãi Trung	B	Ba Tri	633 học sinh	2014- 2016	2208/QĐ- UB 29/10/ 2015	44.274	8.000	8.000	8.000		8.000	8.000				
11	Trường Chính trị Bến Tre (giai đoạn 3)	C	Thành phố Bến Tre	3.900m 2	2014 - 2018	1159/QĐ- UB 05/7/2013	44.851	25.914	10.914	10.914		10.914	10.914				





TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
	<i>Chương trình sách Giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025</i>																
2	Trường Tiểu học Phú Ngãi	C	Ba Tri	6 phòng học, 4 phòng chức năng	2014-2016	40/QĐ-SXD 31/3/2016	6.401	4.742	3.242	3.242		3.242	3.242				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22	
3	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến	C	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp, sửa chữa	2015-2018	324/QĐ-SXD 30/10/15	14.331	6.160	6.160	6.160		6.160	6.160					



TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
4	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)	C	Thành phố Bến Tre	1.446 m <sup>2</sup>	2017-2019	2258/QĐ-UB 29/9/2016	35.696	32.000	32.000	32.000		32.000	32.000					
5	Trường THPT Long Thới - Chợ Lách	B	Chợ Lách	750 hs	2017-2021	2561/QĐ-UB 27/10/2016	59.000	53.100	53.100	53.100		53.100	52.040	1.060				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
6	Nhà đa năng Trường THPT Lê Hoài Đôn - Thanh Phú	C	Thanh Phú	706 m2	2016-2020	276/QĐ-UE/05/2/2016	5.700	5.125	5.125	5.125		5.125	5.125					
7	Trường TH An Phước huyện Châu Thành	C	Châu Thành	344 m2	2017-2019	745/QĐ-UE/31/3/2016	22.574	12.989	12.989	12.989		12.989	12.989					
8	Trường THCS Thành phố Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	1.738 hs	2017-2021	2560/QĐ-UB 27/10/2016	113.095	91.000	91.000	91.000		91.000	85.500	5.500				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xô số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
9	Trường Mẫu giáo Đa Phước Hội	C	MCN	250hs	2018-2020	288/QĐ-SXD 31/10/2016	14.974	13.000	13.000	13.000		13.000	13.000					
10	Trường TH Phú Túc	C	Châu Thành	2,084m <sup>2</sup>	2018-2020	2613/QĐ-UBND 31/10/2016	22.900	21.000	21.000	21.000		21.000	21.000					
11	Trường Mẫu giáo Hòa Lộc	C	MCB	220hs	2018-2020	1033/QĐ-UBND 17/5/2018	14.500	14.500	14.000	14.000		14.000	14.000					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
12	Trường THPT Nhuận Phú Tân	C	MCB	750 hs	2020-2022	353/QĐ-UBND 27/02/2019	59.000	53.100	10.000	10.000		10.000		10.000			
14	Trường TH An Thuận	C	Thanh Phú	360hs	2018-2020	2066/QĐ-UBND 05/9/2017	15.000	15.000	15.000	15.000		15.000	11.000	4.000			
15	Trường TH Hương Mỹ 2	C	MCN	530hs	2019-2021	2617/QĐ-UBND 31/10/2017	26.000	23.000	23.000	23.000		23.000	21.178	1.822			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22	
16	Trường THCS Đỗ Hữu Phương	C	Bình Đại	445hs	2018-2020	2587/QĐ-UBND 30/10/2017	22.000	19.800	19.800	19.800		19.800	18.000	1.800				
17	Trường Mẫu giáo Minh Đức	C	MCN	9 phòng học 10 phòng CN	2018-2020	2587/QĐ-UBND 30/10/2018	21.000	18.800	18.800	18.800		18.800	18.800					
18	Trường MN Vĩnh Thành	C	Chợ Lách	460hs	2018-2020	2552/QĐ-UBND 26/10/2017	20.000	18.000	18.000	18.000		18.000	18.000					





TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
				HMP													
XXI	AN NINH - QUỐC PHÒNG						78.278	28.800	4.000						4.000	4.000	-
1	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	C	Châu Thành	Khởi nhà chính 3 tầng 690m2	2017-2019	2582/QĐ-UB 31/10/2015	19.978	4.000	4.000						4.000	4.000	

TT	Dan mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020					
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsa u khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:		
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+ 22+25	17=18+ 19	18	19=20+ 21	20	21	22	23	22	
2	Tiểu dự án GPMB - Đầu tư xây dựng Sở Chi huy Biên phòng tỉnh	C	TPBT	34.158 m2	2017- 2018	1954/QĐ- UBND ngày 24/8/2017	58.300	24.800										
XXI I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐOÀN THỂ						34.592	7.000	7.000	-				-	7.000	7.000	-	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)								
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				
										Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKT sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:	
													Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16=17+22+25	17=18+19	18	19=20+21	20	21	22	23	22
1	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	cải tạo, sửa chữa	2019-2021	181/QĐ-SXD 31/10/2018	3.000	2.000	2.000						2.000	2.000	
2	Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	31.924 m2	2019-2021	2101/QĐ-UBND 04/10/2018	31.592	5.000	5.000						5.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)									
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 nguồn vốn XSKT được giao (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020						
									Tổng số các nguồn vốn	Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	Trong đó:			
												Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	$16=17+22+25$	$17=18+19$	18	$19=20+21$	20	21	22	23	22	
B	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								232.106	38.000		38.000	33.000	5.000	194.106	184.106		

**Phụ lục II**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
(BAO GỒM VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)  
GIAI ĐOẠN 2017-2020 (tiếp theo)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bội chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020							Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
-	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>282.500</b>	<b>161.050</b>	<b>272.400</b>	<b>300.000</b>	<b>6.544.520</b>	<b>4.949.000</b>	<b>3.509.000</b>	<b>1.440.000</b>	<b>1.193.720</b>	<b>783.720</b>	<b>410.000</b>	<b>120.000</b>	<b>281.800</b>	-
A	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>282.500</b>	<b>161.050</b>	<b>272.400</b>	<b>300.000</b>	<b>6.327.414</b>	<b>4.916.000</b>	<b>3.476.000</b>	<b>1.440.000</b>	<b>1.009.614</b>	<b>599.614</b>	<b>410.000</b>	<b>120.000</b>	<b>281.800</b>	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
I	Hỗ trợ Chương trình Xây dựng Nông thôn mới					789.662	749.662	599.662	150.000	40.000	40.000					
II	Trả nợ Chương trình KCH kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, CSHT nuôi trồng thủy sản và CSHT làng nghề ở nông thôn	47.500	31.250			175.000	96.250	96.250		78.750	78.750					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
III	Trả nợ tạm ứng vốn tồn ngân kho bạc nhà nước trong giai đoạn 2017-2020														Giảm danh mục kế hoạch trung hạn
IV	Bố trí vốn kế hoạch để thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh					164.943	164.943	164.943							
1	Khu chính trị hành chính xã Tân Hội					5.200	5.200	5.200							
2	Trường Tiểu học Tân Thành Bình 2					2.428	2.428	2.428							



TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
3	Nhà làm việc của Mật trận Tổ quốc và các Đoàn thể					7.103	7.103	7.103							
4	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định					150.212	150.212	150.212							
V	Thanh toán nợ đọng XDCB theo chỉ thị 07/CT-TTg và tắt toán, quyết toán, thanh toán nợ khối lượng các công trình hoàn thành	21.117	10.000	10.000		58.268	6.831	6.831		51.437	31.117	20.320			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
VI	Bố trí vốn kế hoạch để thanh toán khối lượng công trình hoàn thành các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước					45.000	45.000	45.000							
VII	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	12.085				12.085				12.085	12.085				
VIII	Bổ sung chi phí thẩm định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành					1.000				1.000	1.000				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
IX	Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ đề án GTNT theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới					93.430	93.430	93.430							
X	Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ triển khai công tác lập quy hoạch của Tỉnh (theo Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017)					2.609	2.609	700	1.909						
XI	Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ Quỹ Hợp tác xã					5.000	5.000	5.000							

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
XII	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương					281.800								281.800		
XIII	CÔNG NGHIỆP		30.000	213.400	300.000	1.022.166	393.491	112.218	281.273	508.675	211.370	297.305	120.000			
a)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		30.000	213.400	300.000	1.022.166	393.491	112.218	281.273	508.675	211.370	297.305	120.000			
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận				300.000	711.495	113.320	45.997	67.323	478.175	180.870	297.305	120.000			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020		Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương				
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao			Trong đó:			
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020		
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mời gọi đầu tư cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành			48.400		48.400	48.400		48.400							
3	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận			100.000		22.500	22.000		22.000	500	500					
4	Đầu tư CSHT phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)		30.000	65.000		237.221	207.221	66.221	141.000	30.000	30.000					

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35	
5	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp Phong Năm					2.550	2.550		2.550							
XIV	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT		24.800			72.112	42.857	24.941	17.916	29.255	16.255	13.000				
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020	-	8.600			36.041	14.441	14.441		21.600	8.600	13.000	-			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
1	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qseap)					345	345	345								
2	Tuyển đề biển Thạnh phú (giai đoạn 1)					7.450	7.450	7.450								
3	<b>Dự án AMD</b> (Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu Đồng bằng Sông Cửu Long)		8.600			21.600				21.600	8.600	13.000				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chỉ ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ chỉ ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35	
4	Đầu tư nâng cấp mở rộng Cảng cá Bình Đại (phần giải phóng mặt bằng)					446	446	446								
5	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre					6.200	6.200	6.200							Bổ sung danh mục kế hoạch trung hạn	
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		16.200			36.071	28.416	10.500	17.916	7.655	7.655					



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
1	Đê bao ngăn mặn ven sông Hàm Luông (đoạn từ ranh Ba Tri - Giồng Trôm đến cống Cái Mít)					10.000	10.000	10.000								
2	Gia cố chống sạt lở khẩn cấp tuyến đê bao ấp Hoà Thuận, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách					7.655				7.655	7.655					
3	Dự án tái định cư khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre					4.500	4.500	500	4.000							



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
7	Mở rộng cầu tàu Cảng cá Bình Đại					5.000	5.000		5.000						
8	Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Côn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành					4.500	4.500		4.500						
XV	LĨNH VỰC CÔNG CỘNG		19.394	20.000		55.677	36.283	7.283	29.000	19.394	19.394				
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020					2.283	2.283	2.283							

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
1	Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre					1.537	1.537	1.537								
2	Mở rộng bãi rác Phú Hưng, Thành phố Bến Tre					746	746	746								
b)	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</b>	-	19.394	20.000		53.394	34.000	5.000	29.000	19.394	19.394	-	-			
1	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiêu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre		19.394	20.000		53.394	34.000	5.000	29.000	19.394	19.394					

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
XVI	<b>GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>	-	20.000	19.000	-	682.259	489.339	303.425	185.914	192.920	141.345	51.575			
a)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>				-	253.627	102.282	65.982	36.300	151.345	121.345	30.000			
1	Xây dựng mặt đường tuyến tránh An Bình Tây - An Đức, huyện Ba Tri					15.000	15.000	15.000							
2	Cầu Phong Năm trên ĐH 173, liên huyện Châu Thành - Giồng Trôm					41.908	20.563	20.563		21.345	21.345				

TT	Dan h mục dự án	Điêu chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điêu chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điêu chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điêu chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điêu chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điêu chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
3	Tuyển tránh thị trấn Giồng Trôm - ĐT.885					6.482	6.482	6.482								
4	Đường huyện ĐH.07 (Bình Thới - Định Trung), huyện Bình Đại					7.861	7.861	7.861								
5	Cải tạo và nâng cấp Huyện lộ 14 (đoạn từ công viên thị trấn Ba Tri đến Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu, công chào An Đức)					13.000	13.000	13.000								

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.884 đoạn từ cầu Tre Bông đến QL.57 và cầu Thành Triệu (WB5)					473	473	473								
7	GPMB dự án cầu Cỏ Chiên - QL60					2.603	2.603	2.603								
8	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định					65.000				65.000	65.000					
9	ĐT.883 (đường vào cầu Rạch Miễu đến cầu An Hóa)					101.300	36.300		36.300	65.000	35.000	30.000				

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
b)	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</b>	-	20.000	19.000	-	428.632	387.057	237.443	149.614	41.575	20.000	21.575	-			
1	Đường Nguyễn Huệ nối dài (đoạn từ ngã tư Tú Điền đến cầu Phú Dân)					22.250	22.250	22.250								
2	Cầu Hương Diễm trên đường tỉnh 887					5.200	5.200	5.200								
3	Cầu Lương Ngang trên đường tỉnh 887					9.522	9.522	9.522								



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
4	Cầu Ba Lạt trên đường tỉnh 887					12.887	12.887	12.887								
5	Cầu Đò trên đường tỉnh 887					20.539	20.539	20.539								
6	Cầu Nguyễn Tấn Ngãi trên đường tỉnh 887					12.131	12.131	12.131								
7	Cầu Ông Kèo, xã Vĩnh Thành - Vĩnh Hòa					4.550	4.550	4.550								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
8	Đường Chợ Chùa – Hữu Định (đoạn 1: từ Ao Sen chợ Chùa đến Đại lộ Đồng Khởi)					3.722	3.722	3.722							
9	Đường vào Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Ba Tri					19.000	19.000	5.000	14.000						
10	Đường vào trung tâm xã Tường Đa					9.694	9.694	9.694							

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn t ổng ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	T ổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					T ổng số vốn từ nguồn thu XSKT đ ược giao trong giai đoạn	Trong đó:		T ổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang đ ược giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đ ến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đ ến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
11	Đầu tư hạ tầng phục vụ mô hình thí điểm hợp tác xã Bưởi da xanh thị trấn Châu Thành (hạng mục đ ường D3,D4)					5.400	5.400	5.400								
12	Cầu Khánh Hội, (liên xã Tiên Long - Tiên Thủy)					12.000	12.000	12.000								
13	Đường vành đai ven sông Ba Lai (đ ường Rạch Gừa)					16.653	16.653	10.000	6.653							

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
14	Đường cá Muồng và Cầu 19/5 xã Lộc Thuận					7.200	7.200	7.200							
15	Nâng cấp, cải tạo Đường liên xã Phước Mỹ Trung - Thành An					4.304	4.304	4.304							
16	Cầu Hòa Lợi (trên đường huyện 26), xã Hòa Lợi					5.000	5.000	5.000							
17	Đầu tư xây dựng các cầu yếu trên ĐH.22 Mỏ Cày Nam					16.048	16.048	13.000	3.048						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
18	Đường ĐH.11 (từ ĐH.10 nối dài đến ĐT.887)					1.000	1.000		1.000						
19	Cầu Cái Sơn xã Tân Thiềng huyện Chợ Lách					6.100	6.100	3.000	3.100						
20	Nâng cấp sửa chữa ĐH36 và xây mới 02 cầu (Hậu Cự và Đìa Cừ) huyện Chợ Lách					13.358	13.358	3.500	9.858						
21	ĐH.38 huyện Chợ Lách					14.000	14.000	3.500	10.500						

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
22	Nâng cấp, sửa chữa ĐH41 huyện Chợ Lách					26.858	26.858	4.858	22.000							
23	Đường huyện lộ 33					1.900	1.900	1.900								
24	Đường vào trung tâm xã Tân Thiêng					2.546	2.546	2.546								
25	Xây dựng cầu Phú Long trên ĐT.883					12.803	12.803	12.000	803							
26	Xây dựng cầu Thừa Mỹ trên ĐT.886					24.126	24.126	22.000	2.126							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
27	Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú		20.000	19.000		40.580	19.005	10.000	9.005	21.575	20.000	1.575				
28	Đường vào trung tâm xã Hưng Nhượng (đoạn từ ĐT.887 đến cầu Hiệp Hưng)					11.740	11.740	11.740								
29	Đường vào Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ôn (đoạn từ QL60 đến bến đò An Hóa)					10.000	10.000		10.000							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
30	Đường giao thông kết hợp đê chống lũ, xấp nhập mặn các xã Tân Thành Bình - Thạnh Ngãi- Phú Mỹ					7.000	7.000		7.000						
31	Đường vào Khu dân cư Bình Thắng					5.000	5.000		5.000						
32	Cầu Thạnh Trị trên ĐH.40 huyện Bình Đại					5.500	5.500		5.500						



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
33	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Định, ĐH10 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến Bình thành)					7.000	7.000		7.000						
34	Xây dựng hệ thống thoát nước via hệ cây xanh chiếu sáng trên tuyến QL60 (đoạn đường dẫn vào cầu Rạch Miễu)					33.021	33.021		33.021						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35	
35	Xây dựng bến phà tạm để giải quyết ùn tắc giao thông trong thời gian xây dựng cầu Rạch Miễu 2					20.000				20.000		20.000			Bổ sung danh mục kế hoạch trung hạn	
XVI I	LĨNH VỰC Y TẾ - XÃ HỘI	4.298				702.041	692.743	558.360	134.383	9.298	9.298	-	-			
XVI I.I	LĨNH VỰC Y TẾ	4.298				630.470	626.172	499.789	126.383	4.298	4.298	-	-			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
a)	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>	4.298				301.164	296.866	214.353	82.513	4.298	4.298					
1	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS					12.326	12.326	12.326								
2	Dự án Khoa Nội A - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu					1.696	1.696	1.696								
3	Bệnh viện Đa khoa Hàm Long					24.511	24.511	24.511								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35
4	Tăng cường CSVC ngành Y tế	4.298				262.631	258.333	175.820	82.513	4.298	4.298				
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					329.306	329.306	285.436	43.870						
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre (ODA Hàn Quốc)					136.530	136.530	135.400	1.130						
2	Lò đốt rác y tế Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu					14.839	14.839	14.839							

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bội chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
3	Cải tạo, chuyển đổi chức năng Khoa Chuẩn đoán hình ảnh thành Khoa Nhi - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu					17.714	17.714	17.714							
4	Dự án Tăng cường trang thiết bị y tế phục vụ chuẩn đoán hình ảnh và điều trị Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu					30.574	30.574	30.574							
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre					80.000	80.000	55.000	25.000						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
6	Dự án xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm					196	196	196								
7	Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Bắc					49.453	49.453	31.713	17.740							
XVI I.II	<b>LĨNH VỰC XÃ HỘI</b>					<b>71.571</b>	<b>66.571</b>	<b>58.571</b>	<b>8.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>					
a)	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>					<b>8.960</b>	<b>8.960</b>	<b>8.960</b>								

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
1	Mua sắm thiết bị Đèn thờ Nghĩ a trang liệt sĩ tỉnh (tượng bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại đồng chung, giá treo)					960	960	960								
2	Dự án đầu tư Không gian ghi công Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bến Tre					8.000	8.000	8.000								
b)	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</b>					<b>62.611</b>	<b>57.611</b>	<b>49.611</b>	<b>8.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>					

TT	Dan h mục dự án	Điêu chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điêu chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bội chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điêu chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điêu chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điêu chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điêu chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre					37.000	37.000	29.000	8.000						
2	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp các cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tỉnh Bến Tre					16.700	11.700	11.700		5.000	5.000				
3	Dự án khẩn cấp xây dựng một số hạng mục tại cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tỉnh Bến Tre					8.911	8.911	8.911							



TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35	
XVI II	LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	-	-			200.083	200.083	171.026	29.057							
a)	Dự án hoàn thành năm 2016					30.175	30.175	30.175								
1	Trung tâm văn hoá tỉnh Bến Tre					27.100	27.100	27.100								
2	Trung tâm văn hoá thành phố Bến Tre					3.075	3.075	3.075								
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020					73.751	73.751	73.751								

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
1	Sân vận động tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)					11.870	11.870	11.870								
2	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Côn Bưng, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú (đường từ nghĩa trang liệt sĩ Hồ Cỏ đến Côn Bưng)					9.000	9.000	9.000								
3	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên					2.231	2.231	2.231								
4	Đài truyền thanh huyện Mô Cây Bắc					2.514	2.514	2.514								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú	
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020				Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020		Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
5	Dự án đầu tư xây dựng Tôn tạo, trùng tu và mở rộng khu tượng đài chiến thắng Lộ Thơ					2.000	2.000	2.000								
6	Dự án đầu tư xây dựng Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm					6.550	6.550	6.550								
7	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển tại Bến Tre					8.030	8.030	8.030								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35	
8	Hậu cứ Đoàn cải lương					8.817	8.817	8.817								
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà cổ Huỳnh phủ và Khu mộ					18.000	18.000	18.000								
10	Trùng tu tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Hòa					4.739	4.739	4.739								
c)	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</b>					<b>96.157</b>	<b>96.157</b>	<b>67.100</b>	<b>29.057</b>							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
1	CSHT phục vụ du lịch các xã ven sông Tiên (giai đoạn 2) (Đoạn 1: từ xã An Khánh đến xã Phú Đức)					34.000	34.000	32.714	1.286							
2	Tượng đài chiến thắng Giá Thè					7.600	7.600	7.600								
3	Xây dựng mới trụ sở UBND xã và sửa chữa nhà văn hoá xã Thành Triệu, huyện Châu Thành					300	300	300								

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT đư ợc giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang đư ợc giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đ ến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đ ến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
4	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thi êng, huyện Chợ Lách					2.400	2.400	2.400								
5	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Long Thói, huyện Chợ Lách					2.400	2.400	2.400								
6	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thanh Tây, huyện Mộ Cây Bắc					2.000	2.000	2.000								

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
7	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam					2.400	2.400	2.400								
8	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm					1.898	1.898	1.898								
9	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú					2.460	2.460	2.460								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
10	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Mỹ Hoà, huyện Ba Tri					2.400	2.400	2.400								
11	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Thới Thuận, huyện Bình Đại					1.500	1.500	1.500								
12	Hồ bơi tỉnh Bến Tre					1.028	1.028	1.028								
13	Cải tạo nâng cấp trung tâm văn hóa thể thao huyện Chợ Lách					9.700	9.700	3.000	6.700							



TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35
14	Cải tạo, nâng cấp đèn thờ đồng chí Huỳnh Tấn Phát thành Khu lưu niệm					5.000	5.000	5.000							
15	Nâng cấp hoàn chỉnh khu Đèn thờ Phan Văn Trị					1.000	1.000		1.000						
16	Nâng cấp, chuyển chất liệu Tượng đài Đồng Khởi Bến Tre					294	294		294						
17	Trùng tu, nâng cấp di tích Cây Đa Đồi					7.700	7.700		7.700						

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT đư ợc giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang đư ợc giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
18	Xây dựng Khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc tại Khu di tích Chùa Tuyên Linh					10.000	10.000		10.000							
19	Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm (giai đoạn 2)					2.077	2.077		2.077							
XIX	<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG</b>	<b>3.500</b>				<b>37.183</b>	<b>33.683</b>	<b>13.420</b>	<b>20.263</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	-	-			
b)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>	<i>3.500</i>				<i>37.183</i>	<i>33.683</i>	<i>13.420</i>	<i>20.263</i>	<i>3.500</i>	<i>3.500</i>					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35
1	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)					24.700	24.700	13.420	11.280						
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	3.500				3.500				3.500	3.500				
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1)					2.000	2.000		2.000						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35	
4	Mua sắm Camera lấy tin chuẩn HD/4K					6.983	6.983		6.983						Bổ sung danh mục kế hoạch trung hạn	
XX	<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	<b>24.500</b>	-	-		<b>1.891.296</b>	<b>1.863.796</b>	<b>1.273.511</b>	<b>590.285</b>	<b>27.500</b>	<b>24.500</b>	<b>3.000</b>				
a)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>	<i>24.500</i>				<i>1.402.836</i>	<i>1.378.336</i>	<i>953.322</i>	<i>425.014</i>	<i>24.500</i>	<i>24.500</i>					
1	<i>Đề án KCH trường lớp, học và nhà công vụ Giáo viên</i>	<i>1.000</i>				<i>179.384</i>	<i>178.384</i>	<i>178.384</i>		<i>1.000</i>	<i>1.000</i>					

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35
2	Tăng cường CSVC ngành Giáo dục Đào tạo lồng ghép hỗ trợ chương trình nông thôn mới	23.500				1.160.507	1.137.007	711.993	425.014	23.500	23.500				
3	Trường Tiểu học Phú Thọ - Thành phố Bến Tre					14.000	14.000	14.000							
4	Trường Mầm non Khu Công nghiệp Giao Long, huyện Châu Thành					2.862	2.862	2.862							
5	Trường THPT Phan Văn Trị (giai đoạn 2)					2.110	2.110	2.110							

TT	Dan h mục dự án	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ i chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Đi ều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Đi ều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ i chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT đư ợc giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang đư ợc giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũ y kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
6	Trường THCS Tiên Thủy					10.449	10.449	10.449							
7	Trường THCS Mỹ Nhon					1.874	1.874	1.874							
8	Trường THCS Mỹ An					2.553	2.553	2.553							
9	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát					10.183	10.183	10.183							
10	Trường THCS An Ngãi Trung					8.000	8.000	8.000							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
11	Trường Chính trị Bến Tre (giai đoạn 3)					10.914	10.914	10.914								
c)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>					488.460	485.460	320.189	165.271	3.000		3.000				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019			Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020	
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35
1	Hỗ trợ đầu tư CSVN, Mua sắm trang thiết bị dạy học thuộc Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 về Chương trình sách Giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025					101.659	101.659		101.659						Bổ sung danh mục kế hoạch trung hạn
2	Trường Tiểu học Phú Ngãi					3.242	3.242	3.242							



TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
3	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre					6.160	6.160	6.160								
4	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)					32.805	32.805	32.805								
5	Trường THPT Long Thới - Chợ Lách					52.300	52.300	51.440	860							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
6	Nhà đa năng Trường THPT Lê Hoài Đôn - Thanh Phú					5.125	5.125	5.125								
7	Trường TH An Phước huyện Châu Thành					12.989	12.989	12.989								
8	Trường THCS Thành phố Bến Tre					77.290	77.290	71.790	5.500							
9	Trường Mẫu giáo Đa Phước Hội					12.393	12.393	12.393								

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35
10	Trường TH Phú Túc					21.000	21.000	21.000							
11	Trường Mẫu giáo Hòa Lộc					19.772	19.772	19.772							
12	Trường THPT Nhuận Phú Tân					26.277	26.277		26.277						
14	Trường TH An Thuận					17.114	17.114	11.000	6.114						
15	Trường TH Hương Mỹ 2					23.876	23.876	16.709	7.167						

TT	Dan h mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)								Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:					
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020				
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	$27=28+29$	28	29	30	31	32	33	34	35	
16	Trường THCS Đỗ Hữu Phương					18.964	18.964	18.964								
17	Trường Mẫu giáo Minh Đức					18.800	18.800	18.800								
18	Trường MN Vĩnh Thành					18.000	18.000	18.000								
19	Trường THCS Thạnh Hải					8.000	8.000		8.000							
20	Trường TH Tân Phong					9.694	9.694		9.694							

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	$26=27+30+33+34$	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35
21	Trường Trung học cơ sở Thới Lai					3.000				3.000		3.000			Bổ sung danh mục kế hoạch trung hạn
XXI	AN NINH - QUỐC PHÒNG	4.000	-			28.800				28.800	4.000	24.800			
1	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	4.000				4.000				4.000	4.000				
2	Tiểu dự án GPMB - Đầu tư xây dựng Sở Chỉ huy Biên phòng tỉnh					24.800				24.800		24.800			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (lần 1)				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (Lần 2)							Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020	Bộ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
		Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020			Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giai đoạn 2017-2020			Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách giao năm 2020	Vốn đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	
		Trong đó:					Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	Trong đó:		Tổng số kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang được giao	Trong đó:				
		Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2018	Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020				Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT giao đến hết kế hoạch năm 2019	Tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang giao năm 2020			
1	2	23	24	24	25	26=27+30+33+34	27=28+29	28	29	30	31	32	33	34	35
<b>XXI</b>	<b>I</b>														
	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐOÀN THỂ</b>	-	7.000	-		7.000				7.000	7.000				
1	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Chợ Lách		2.000			2.000				2.000	2.000				
2	Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh		5.000			5.000				5.000	5.000				
<b>B</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	165.500	18.606	10.000		217.106		33.000	33.000		184.106	184.106			